

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC PHÁP QUYỀN CHRISTIAN WOLFF (1679 - 1754)

NGÔ THỊ MỸ DUNG^(*)

Là một trong những nhà tư tưởng nổi tiếng của thời kỳ Khai sáng, nhà triết học Đức C. Wolff đã để lại cho nhân loại nhiều tư tưởng có giá trị, trong đó có tư tưởng pháp quyền. Với những tác phẩm đồ sộ nghiên cứu về luật tự nhiên, luật ban hành, hệ thống quyền lực nhà nước và luật quốc tế, C. Wolff đã trở thành người sáng lập thực sự của khoa học luật và triết học pháp quyền Đức thế kỷ XVIII. Với những cống hiến to lớn trong nhiều lĩnh vực, *nhà tư tưởng bách khoa* (enzyklopädischer denker), C. Wolff không chỉ là một trong những triết gia quan trọng nhất của phong trào Khai sáng Đức, mà còn là một trong những người đầu tiên sáng tạo ra ngôn ngữ triết học Đức (cùng với Christian Thomasius (1655-1728)) khi đưa tiếng Đức vào giảng dạy ở các trường đại học và viết các tác phẩm của mình.

Hệ thống triết học Wolff bao gồm nhiều lĩnh vực, từ logic học (1712), siêu hình học (1719), đạo đức học (1720), học thuyết xã hội (1721) đến mục đích luận (1725), trong đó triết học pháp quyền chiếm một vị trí quan trọng. Với tám tập viết bằng tiếng La tinh bàn về tính

hợp lý của luật tự nhiên xuất phát từ bản tính tự nhiên của con người được tổng hợp trong tác phẩm “Luật tự nhiên theo phương pháp khoa học” (Jus naturae methodo scientifica pertractatum) từ năm 1740 đến 1748, cùng với các tác phẩm bàn về hệ thống quyền lực nhà nước, luật ban hành và luật quốc tế như “Luật ban hành theo phương pháp khoa học” (Ius gentium methodo scientifica pertractatum) (1749); “Các tổ chức, luật tự nhiên và luật quốc tế” (Institutiones Iuris Naturae et Gentium) (1750) và “Những nguyên tắc cơ bản của luật tự nhiên và luật quốc tế” (Grundsätze des Natur- und Völkerrechts) (1754), Wolff đã trở thành một trong những đại biểu quan trọng nhất của tư tưởng triết học pháp quyền Đức thế kỷ XVIII.

Bài viết trình bày và phân tích mối liên hệ giữa bản tính tự nhiên của con người và luật tự nhiên, giữa quyền tự nhiên của con người và vấn đề nhà nước trong tác phẩm “Những nguyên tắc cơ bản của luật tự nhiên và luật quốc tế”

^(*) TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

(Grundsätze des Natur-und Völkerrechts”) xuất bản năm 1754, qua đó góp phần làm rõ một số nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học pháp quyền của ông.

1. Bản tính tự nhiên của con người và luật tự nhiên

Một trong những nội dung quan trọng của lịch sử tư tưởng triết học pháp quyền phương Tây là vấn đề luật tự nhiên, luật ban hành (luật thực định) và mối quan hệ giữa chúng. Các nhà triết học từ thời cổ đại đến thời kỳ Phục hưng và cận đại đều cho rằng bên cạnh luật ban hành còn tồn tại một thứ luật cao hơn, đó là luật tự nhiên. Luật tự nhiên là phổ biến và có giá trị ở mọi thời đại. Tuy nhiên, khái niệm *luật tự nhiên* (*lex naturalis*) ở mỗi thời đại lại được hiểu rất khác nhau. Trước thời kỳ Phục hưng, các nhà triết học thường cho rằng luật tự nhiên là Logos, ý niệm hay ý chí tối cao của Thượng đế (A. Kaufmann, 1997, tr.21); là “sự phản chiếu của luật Thượng đế thông qua lý trí của con người” như mong muốn bảo toàn sinh mạng, kế tục nòi giống và chung sống thành xã hội. Luật tự nhiên không chỉ quyết định sự vận hành các cơ quan của con người mà còn chứa đựng trong nó những chuẩn mực luân lý, vì vậy, luật tự nhiên cũng là luật đạo đức (A. Kaufmann, 1997, tr.23).

Khác với những tư tưởng của các nhà triết học thời kỳ trên, các nhà triết học thời phục hưng và cận đại như Hugo Grotius (1583-1642), Thomas Hobbes (1588-1679), John Locke (1632-1704), Montesquieu (1689-1755), Samuel von Pufendorf (1632-1694), Christian Thomasius (1655-1728),... đều xuất phát từ “*bản tính tự nhiên*” của con người (độc ác, thiện, ích kỷ,...) để lập

luận cho *luật tự nhiên* (chung sống thành xã hội; bảo tồn nòi giống,...), từ đấy khẳng định *quyền tự nhiên của con người* (quyền sống, quyền tự do, mưu cầu hạnh phúc,...) và đưa ra những *hình thức và quyền lực nhà nước* (thống nhất quyền lực; phân chia quyền lực,...) để đảm bảo cho những quyền tự nhiên đó.

Kế thừa những tư tưởng trên, Wolff cho rằng mục đích tư tưởng pháp quyền của ông không phải là đưa ra những nội dung mới mà là tìm cách chứng minh và hoàn thiện những vấn đề đã được các nhà triết học đi trước đặt ra. Trong Lời nói đầu của tác phẩm “*Những nguyên tắc cơ bản của luật tự nhiên và luật quốc tế*”, ông viết: “Mục đích tác phẩm của tôi là tìm nguồn gốc của tất cả pháp luật trong bản tính tự nhiên của con người (die Quelle alles Rechts in der menschlichen Natur gefunden), cái mà những nhà triết học từ thời cổ đại đã làm trong một thời gian dài và những bậc thầy tài ba đã trình bày lại, nhưng không có nghĩa là đã được chứng minh. Tôi đã không chỉ bị thuyết phục bởi những quan điểm của các nhà triết học từ trước đến nay, mà còn có thể làm rõ chân lý của những nguyên tắc trên bằng cách liên kết chúng với hành vi thực tiễn của con người” (C. Wolff, 1980, tr.12).

Cũng như các nhà triết học Anh, Pháp và Đức thế kỷ XVII-XVIII, Wolff cho rằng *nguồn gốc của luật tự nhiên xuất phát từ bản tính tự nhiên* của con người. Tuy nhiên, trong khi Hobbes cho rằng bản tính con người là tham lam, ích kỷ, độc ác như sói và gấu, vì vậy, trong trạng thái tự nhiên, con người có thể làm tất cả để tranh giành quyền lợi cá nhân, bất chấp đến tính mạng hay lợi ích của người khác, liên tục xảy ra xung

đột và chống phá lẫn nhau; và, theo Pufendorf, bản tính con người vừa tham lam, vừa có xu hướng làm hại người khác, nhưng đồng thời cũng là sinh vật yếu đuối, không thể sống nổi nếu không có sự trợ giúp của đồng loại, vì vậy con người luôn có nhu cầu được sống bên nhau, hình thành luật tự nhiên, sống thành xã hội giúp đỡ lẫn nhau cùng tồn tại (Sammuel von Pufendorf, 2007, tr.20), thì Wolff cho rằng *bản tính tự nhiên của con người là vươn tới sự hoàn thiện* (hoàn hảo-vollkommenheit). Theo đó, *sự hoàn thiện* của một sự việc nhìn chung nằm trong sự thống nhất của cái đa dạng hoặc nhiều cái trong một tổng thể sự vật. Sự hoàn thiện có thể thông qua sự xác định của tất cả những gì bao hàm trong nó. Chẳng hạn một chiếc đồng hồ hoàn hảo khi các bộ phận của nó hoạt động chính xác. Ngược lại, *sự không hoàn hảo* (unvollkommenheit) là *thiếu sự thống nhất của cái đa dạng* (mangel der übereinstimmung) hoặc nhiều cái trong một tổng thể sự vật. Chẳng hạn một con mắt không hoàn hảo là con mắt nhìn không rõ hoặc khó nhìn do cái gì đó cản trở nó (C. Wolff, 1980, tr.12). Vì vậy, sự hoàn thiện của con người - theo Wolff - là sự phát triển tổng thể (gesamtheit) và hài hòa của những tiềm năng đa dạng (vielfalt der möglichkeiten) trong mỗi cá nhân trong đời sống cộng đồng (C. Wolff, 1980, tr.14).

Bản tính tự nhiên của con người là tự do và bình đẳng: “Từ tự nhiên tất cả con người là tự do” - Von natur sind also alle menschen frei (C. Wolff, 1980, tr.46). “Từ tự nhiên, mọi người đều bình đẳng không ai có đặc quyền tự nhiên” (C. Wolff, 1980, tr.45). Sự tự do tự nhiên và bình đẳng tự nhiên thể hiện rõ trong

trạng thái tự nhiên (naturzustand) của con người. Trong trạng thái này, mỗi người làm theo ý chí của mình mà không bị lệ thuộc vào ý chí của người khác. Tuy nhiên, cũng như Pufendorf, Wolff cho rằng cá nhân không thể hoàn thiện mình nếu không có các mối quan hệ cũng như sự giúp đỡ của những cá nhân khác. “Con người phải sống thành xã hội, đó là luật tự nhiên. Luật tự nhiên liên kết mọi người với nhau và từ sự liên kết tự nhiên này không ai có thể thoát khỏi sự ràng buộc của luật tự nhiên (“das Gesetz der Natur verbinde alle Menschen und von der natürlichen Verbindlichkeit könne kein Mensch befreit werden”), bởi luật tự nhiên có cơ sở của nó trong con người và mọi sự vật” (C. Wolff, 1980, tr.30).

Bản tính tự nhiên của con người là vươn tới sự hoàn thiện, vì vậy, *nguyên tắc chung của luật tự nhiên* (principium juris naturae) là *thúc đẩy sự hoàn thiện của con người và tình trạng của con người* (menschenzustand), *giúp con người tránh xa nguy hiểm*. Để nuôi sống và hoàn thiện mình, con người có quyền sử dụng mọi phương tiện. Nếu các quy luật tự nhiên liên kết chúng ta vì một mục đích nào đó, nó cũng cho chúng ta quyền đối với phương tiện, bởi sẽ là vô lý nếu tồn tại mục đích mà không có phương tiện để hoạt động (C. Wolff, 1980, tr.35). Điều đó cũng có nghĩa là “quyền hoàn thiện là quyền bẩm sinh (recht auf vollkommenheit ist angeborenes recht), vì vậy, không ai có quyền sử dụng quyền của mình để cản trở quyền hoàn thiện của người khác” (C. Wolff, 1980, tr.45).

Tuy nhiên, cũng như Thomas Aquinas, Wolff cho rằng luật tự nhiên

chính là luật của Thượng đế, bởi xét đến cùng, bản chất của mọi sự vật, kể cả bản tính tự nhiên của con người có nguồn gốc từ Thượng đế (C. Wolff, 1980, tr.13). Luật tự nhiên liên kết con người với nhau và làm cho hành vi của con người phù hợp với luật tự nhiên; như vậy sự liên kết tự nhiên, cũng là sự liên kết thần linh, luật tự nhiên, cũng chính là luật thần linh (die natürliche Verbindlichkeit ist auch eine göttliche, und das natürliche Gesetz ist auch ein göttliches) (C. Wolff, 1980, tr.30).

2. Quyền tự nhiên của con người và vấn đề nhà nước

Kế thừa tư tưởng của Locke, Montesquieu, đặc biệt là của Pufendorf về quyền tự do tự nhiên (natürliche freieit) và bình đẳng tự nhiên (natürliche gleichheit) của con người, Wolff cũng khẳng định rằng, trong *trạng thái tự nhiên* mọi người đều tự do và bình đẳng. Từ tự nhiên hình thành trách nhiệm tự nhiên (natürliche rechtepflichten) và quyền tự nhiên (natürliche rechte) của con người. Đó là trách nhiệm với chính mình, trách nhiệm với Thượng đế và trách nhiệm với những người khác (C. Wolff, 1980, tr.46).

Cũng như Pufendorf, Wolff cho rằng con người không thể phát triển và hoàn thiện mình nếu không có sự trợ giúp của cộng đồng ngay cả khi họ có một cuộc sống tốt. “Một điều hiển nhiên là nhu cầu giúp đỡ của con người rất lớn, không ai có thể tự hoàn thiện mình mà không cần sự giúp đỡ của người khác” (C. Wolff, 1980, tr.32). Luật tự nhiên liên kết con người với nhau giúp con người ngày càng hoàn thiện hơn và ngăn chặn sự không hoàn thiện, kết quả của sự liên kết này là mỗi người được kết nối với sự hoàn thiện của những người khác

và kiềm chế mọi hành động dẫn đến sự không hoàn thiện (C. Wolff, 1980, tr.32).

Trong *trạng thái tự nhiên*, quyền tự nhiên của con người, đặc biệt là quyền tự do phát triển và hoàn thiện mình luôn bị đe dọa, bởi ai cũng muốn dùng mọi phương tiện để bảo vệ quyền của mình, vì vậy các cá nhân buộc phải đồng ý tham gia một *khế ước xã hội* (pactum unionis) để thành lập một cộng đồng chính trị - một nhà nước - nhằm đảm bảo cho những quyền trên. Với khế ước xã hội, theo Wolff, các cá nhân mất đi quyền tự do tự nhiên dùng mọi phương tiện để hoàn thiện mình, nhưng có được sự bình đẳng thông qua sự đảm bảo của nhà nước. Khế ước cũng quy định sự tự do lựa chọn các hình thức nhà nước (quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, dân chủ) dựa trên ý chí chung. Trong khế ước, các quyền và nghĩa vụ của các bên (nhà nước và người dân) được quy định rõ ràng, theo đó nhà nước có nhiệm vụ *thỏa mãn nhu cầu sống* (lebensbedürfnissen), *đảm bảo an toàn pháp lý* (rechtsicherheit) và *hạnh phúc cộng đồng* (Wohlfahrt) (C. Wolff, 1980, tr.21).

Một trong những vấn đề quan trọng để nhà nước có thể thực hiện tốt nhiệm vụ trên là luật ban hành phải phù hợp với luật tự nhiên, nghĩa là phải đảm bảo những điều kiện để con người có thể tự do phát triển và hoàn thiện mình (C. Wolff, 1980, tr.27). Xâm phạm quyền hoàn thiện của con người dưới bất kỳ hình thức nào - theo Wolff - cũng là trái với luật tự nhiên. “Bởi không ai có thể ngăn chặn việc sử dụng các quyền của tôi và cũng không ai có quyền lấy nó đi, vì vậy tôi cũng không được phép làm điều đó đối với quyền của người khác.

Mỗi người cần đảm bảo quyền của mình và không xâm hại quyền của người khác. Vi phạm quyền hoàn thiện của người khác là trái luật (*injuria*)” (C. Wolff, 1980, tr.60).

Khác với quan điểm của Hobbes cho rằng bản tính tự nhiên của con người là ích kỷ, đầy tham vọng và trạng thái tự nhiên là trạng thái chiến tranh, vì vậy muốn thoát khỏi trạng thái này phải chuyển giao toàn bộ quyền lực cho nhà nước và nhà cầm quyền có quyền lực tuyệt đối đối với người dân, Wolff cho rằng quyền lập pháp phải thuộc về nhân dân. Vì nhà nước được hình thành trên cơ sở “ý chí chung” nên người dân có quyền trong việc ban hành, sửa đổi và bãi bỏ luật, nếu những đạo luật đó không phục vụ cho “cái chung tốt nhất” (C. Wolff, 1980, tr.78). Và, để đảm bảo cho những quyền tự nhiên (tự do, bình đẳng, dùng mọi phương tiện để hoàn thiện mình) được thực thi, thì hình thức nhà nước tốt nhất - theo Wolff - là nhà nước quân chủ lập hiến.

Kế thừa tư tưởng của Thomasius về vấn đề *hạnh phúc cộng đồng* (*wohlfort der gesellschaft*), Wolff đưa ra nhận định rằng hạnh phúc cá nhân không thể đạt tới sự hoàn thiện nếu không có sự liên kết với hạnh phúc cộng đồng, vì vậy, sự phồn vinh hay hạnh phúc cộng đồng là mục đích tối cao của nhà nước. Khẩu hiệu được ông đưa ra là: “*Hãy làm tất cả những gì thúc đẩy hạnh phúc (sự phồn vinh) cộng đồng; loại bỏ những gì cản trở hay có hại cho nó*” (*Tun, was die wohlfort der gesellschaft befördert; unterlass, was ihr hinderlich oder sonst nachteilig is*) (C. Wolff, 1980, tr.21).

Ngoài ra, nhà nước còn phải quan tâm đến đời sống văn hóa truyền thống,

tạo việc làm cho nhân dân, bởi theo Wolff, trong lao động con người có thể tự hoàn thiện mình. Một nhà nước hợp lý tính là một nhà nước mà trong đó các thành viên bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi (*homines aequalis*). Những quan điểm của Wolff về trách nhiệm của nhà nước thực sự có ý nghĩa to lớn trong bối cảnh nước Đức chuyển từ xã hội phong kiến sang xã hội dân sự. Kế thừa tư tưởng của Leibniz về bản tính của con người là luôn mong muốn hướng tới sự hoàn thiện, Wolff đã đưa ra kết luận rằng mục đích cao nhất của xã hội là làm tất cả những gì có thể với khả năng của mình vì sự hoàn thiện của con người.

3. Kết luận

Tư tưởng pháp quyền Wolff đề cập đến nhiều vấn đề, tuy nhiên nổi bật nhất vẫn là vấn đề luật tự nhiên, quyền tự nhiên và vấn đề nhà nước. Kế thừa tư tưởng của các nhà triết học tiền bối, triết học pháp quyền Wolff cũng xuất phát từ bản tính tự nhiên của con người (vươn tới sự hoàn thiện, tự do, bình đẳng) để lập luận cho luật tự nhiên (chung sống thành xã hội) và quyền tự nhiên của con người (dùng mọi phương tiện để hoàn thiện mình, tự do, bình đẳng). Luật tự nhiên có giá trị phổ biến và là tiêu chí của luật ban hành. Ngay cả luật quốc tế cũng được Wolff lập luận dựa trên nguyên tắc của luật tự nhiên và được ông xem như là luật tự nhiên được mở rộng.

Nét nổi bật trong tư tưởng pháp quyền Wolff là sự kết hợp giữa ý tưởng về *bản chất xã hội (bản chất cộng đồng)* của con người với ý tưởng về *sự hoàn thiện* (*perfectio*) của con người từ Leibniz, đặt mục đích cuối cùng của con người ở trung tâm của học thuyết luật

tự nhiên. Nguyên tắc tối cao của nó là sự liên kết tất cả lực lượng thúc đẩy sự hoàn thiện của con người và kiềm chế các hành động ngược lại. Mặc dù tư tưởng pháp quyền của Wolff còn hạn chế khi cho rằng luật tự nhiên có giá trị phổ biến và nhà nước được hình thành dựa trên khế ước, nhưng tinh thần nhân văn của nó (xuất phát từ con người để lập luận cho quyền tự nhiên bất khả tước đoạt của con người, nhiệm vụ của nhà nước là hạnh phúc cộng đồng...) đã ảnh hưởng trực tiếp đến các thể chế chính trị pháp quyền Đức từ đây về sau □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Christian Wolff (1980), *Gesammelte Werke: Grundsätze des Natur-und Völkerrechts* (Toàn tập: Những nguyên tắc cơ bản của luật tự nhiên và luật quốc tế), t.19, Newyorker, Hildesheim.
2. Karl Zimmermann (2004), *Einleitung. Christian Wolffs rationale Gesellschafts-und Staatslehre zur Förderung des Gemeinwohls* (Dẫn nhập. Học thuyết nhà nước - xã hội lý tính của Christian Wolff), Beck, München.
3. Klaus-Gert Lutterbeck (2002), *Staat und Gesellschaft bei Christian Thomasius und Christian Wolff. Eine historische Untersuchung in systematischer Absicht* (Nhà nước và xã hội của Christian Thomasius và Christian Wolff. Một nghiên cứu lịch sử mang tính hệ thống), Frommann-Holzboog, Stuttgart-Bad Cannstatt.
4. Samuel von Pufendorf (2007), *Von den Pflichten des Menschen und Bürgers nach dem Naturgesetz* (Về nghĩa vụ của con người và của công dân theo luật tự nhiên) (1673), Frankfurt am Main, Klaus Luig, Suhrkamp.
5. Arthur Kaufmann (1997), *Rechtssphilosophie (Triết học pháp quyền)*, Beck Publishing House, München.